|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT NGHỆ AN  **TRƯỜNG THPT ANH SƠN 2** | **KỲ THI THỬ HSG TỈNH (LẦN 1)**  **NĂM HỌC 2022 – 2023** |

***ĐÁP ÁN LỊCH SỬ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung trả lời** | **Điểm** |
| **1.**  ( 4 điểm) | **a.** Đoạn thông tin trên phản ánh kết quả của cuộc đấu tranh giành và tuyên bố độc lập của ba quốc gia ĐNA trong năm 1945: Inđônexia, Việt Nam, Lào | 0.5 |
|  | b. - Tháng 8-1945, PX Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện thời cơ đến với tất cả các nước nằm dưới sự chiếm đóng của Nhật nói chung và các nứơc ĐNA nói riêng...  - Ở ĐNA, ba nước đã chớp thời cơ nổi dậy giành và tuyên bố độc lập đó là: Indonexia (17-8-1945); Việt Nam (2-9-1945); Lào (12-10-1945).  - Một cuộc CM muốn giành được thắng lợi cần phải hội tụ đầy đủ những yếu tố cần và đủ về cả chủ quan, khách quan...  - Sở dĩ các nước Indonexi a, Việt Nam, Lào đã chớp thời cơ giành được độc lập là vì ở ba nước này đã có quá trình vận động đấu tranh, chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện về lực lượng.. vì vậy khi thời cơ khách quan đưa đến dưới sự lãnh đạo của các chính đảng nhân dân của ba nước này đã nổi dậy giành chính quyền và tuyên bố độc lập...  - Các nước ĐNA còn lại chỉ giành thắng lợi ở mức độ thấp hơn vì chưa có sự chuẩn bị đầy đủ điều kiện lực lượng nội lực bên trong  **\*Liên hệ bản thân**: suy nghĩ gì về vấn đề chuẩn bị và nắm bắt thời cơ trong cuộc đời.  - Cuộc đời của một con người muốn có được những thành quả, những bước đột phá tạo sự thay đổi lớn cũng cần có thời cơ khách quan thuận lợi đưa đến  - Tuy nhiên muốn nắm bắt, vận dụng được thời cơ thì cần phải có sự chuẩn bị về nội lực đó là yếu tố chủ quan mang tính quyết định..  - Là HS THPT, thời cơ sẽ đến trong tương lai phía trước bởi vậy trước hết bản thân phải chuẩn bị yếu tố nội lực đó là việc học tập, lao động, rèn luyện tích lũy hành trang tri thức và các kĩ năng mềm cần có...  - Khi thời cơ khách quan đến bản thân sẽ có đủ khả năng nắm bắt vận dụng để tạo dựng cho mình một tương lai vững vàng, thích ứng trong xu thế hội nhập- toàn cầu hóa... | 0.5  0.5  0.5  0.5  0.5  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| 2.  (6 điểm) | Nguyên nhân chung:  -Dựa vào thành tựu KHKT, điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất, giảm giá thành...  -Nhờ trình độ tập trung sản xuất, tập trung tư bản cao có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và hiệu quả ở cả trong và ngoài nước.  -Vai trò điều tiết có hiệu quả của nhà nước, các chính sách và biện pháp của nhà nước có vai trò thúc đẩy nền kinh tế phát triển. | 0.75 |
|  | Nguyên nhân riêng:  + Mĩ: Ít bị tổn thất trong 2 cuộc chiến tranh thế giới: chiến tranh không xảy ra ở Mĩ, được 2 đại dương bao bọc nên Mĩ có điều kiện hòa bình phát triển kinh tế. Hơn nữa Mĩ còn lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ việc buôn bán vũ khí. Mĩ có lợi thế là nguồn TNTN phong phú, nhân công dồi dào.  + Tây Âu: Biết lợi dụng nguồn vốn nước ngoài để tập trung vào ngành kinh tế then chốt, tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ ba, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của EC.  + Nhật bản: Ít phải chi tiêu cho quân sự (1%GDP), biên c hế hành chính gọn nhẹ, biết len lách vào thị trường các nước khác, có truyền thống tự lực tự cường, biết lợi dụng nguồn vốn nước ngoài để tập trung vào ngành kinh tế then chốt. | 2.0 |
|  | + Nguyên nhân quan trọng: Đầu tư phát triển khoa học – kĩ thuật, tận dụng thành tựu KHKT, điều chỉnh cơ cấu sản xuất, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm. | 0.5 |
|  | Giải thích:  - Tận dụng triệt để thành tựu KHKT cho nền kinh tế, đó là sự phát triển bền vững, lâu dài. Vì nhờ áp dụng KHKT nên các nước đó đã tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm và có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.  - Từ 1973, khủng hoảng năng lượng đã báo hiệu nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt. Các nước tư bản lớn như Mĩ, Tây âu, Nhật bản đều tập trung phát triển KHKT, nên nền kinh tế phát triển nhanh so với giai đoạn trước.  - Từ những năm 50, 60, 70 trở đi, hệ thống thuộc địa của CNTB, thực dân sụp đổ. Điều đó có nghĩa là nguồn nhân công rẻ mặt đã hết. Nhưng các nước này vẫn phát triển kinh tế một cách nhanh chóng. Vậy điều thúc đẩy kinh tế phát triển đó chính là tận dụng triệt để thành tự KHKT.  - Các nước nghèo nguyên liệu như dầu mỏ, khoáng sản... ở Tây âu, Nhật bản nhưng đạt nhiều thành tựu kì diệu về kinh tế. Vì vậy, điều thúc đẩy nền kinh tế các nước này phát triển nhanh đó là do áp dụng thành tựu KHKT. Còn những nước có nhiều dầu mỏ như khối nước Ả rập, Brunây... lại không phải là nước có nền kinh tế phát triển họ dùng dầu mỏ để xuất khẩu, bán cho các nước khác.  - Ngày nay, những nước nào nắm được KHKT và công nghệ, làm chủ khoa học thì nước đó vươn lên, những nước không tận dụng KHKT thì sẽ bị tụt hậu. | 2.75 |
| 3  (5điểm) | Khái quát tiến trình:  -Ngày 1/9/1858, Liên quân Pháp, Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Triều đình cử Nguyễn Tri Phương vào làm Tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam để lo chống giặc. Trong suốt 5 tháng giặc bị giam chân tại chỗ,kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của pháp thất bại, buộc chúng phải thay đổi kế hoạch. | 0.5 |
|  | -Tháng 2/1859, Pháp kéo quân vào tấn công Gia Định. Đến năm 1867, Pháp chiếm gọn 6 tỉnh Nam kì. Trái ngược với sự chiến đấu yếu ớt, thiếu kiên quyết của triều đình, nhân dân Nam Kì đã nêu cao ngọn cờ chống giặc cứu nước. Các đội quân nông dân do các văn thân, sĩ phu yêu nước đứng đầu xuất hiện ngày càng nhiều, hoạt động mạnh làm cho giặc Pháp vô cùng khốn đốn. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Trương Định và chiến công của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt tàu Etpêrăng sông Vàm Cỏ Đông (12/1861). Tuy nhiên, triều đình Huế kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất( 1862) và ra lệnh lui binh, giải tán phong trào kháng chiến ở Nam kì  -Mặc dù vậy phong trào vẫn tiếp tục phát triển. Nhân dân Nam kì đã đẩy mạng thêm một bước cuộc chiến đấu chống Pháp. Một số nhà nho yêu nước tìm đường ra Bình Thuận (Trung kì) xây dựng cơ sở chống giặc lâu dài. Một số bám đất, bám dân quyết liệt chống lại kẻ thù như Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân...cũng có người đã dùng ngòi bút của mình làm vũ khí chiến đấu như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị  -Sau khi chiếm được các tỉnh Nam kì, Pháp hai lần tấn công ra Bắc kì vào các năm 1873 và 1882 – 1883. Cuộc chiến đấu của triều đình nhanh chóng tan rã. Nhân dân Hà nội và các tỉnh đã tự tổ chức kháng chiến, kiên quyết chống trả địch. Tiêu biểu là chiến thắng trong hai trận Cầu Giấy (1873 và 1883) làm cho nhân dân cả nước vô cùng phấn khởi, giặc Pháp hoang mang.Nhưng nhà Nguyễn vẫn nuôi ảo tưởng điều đình với Pháp. Đó là cơ sở để Pháp tiếp tục gây áp lực, buộc triều Nguyễn kí Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt sau khi chiếm được Thuận An.Triều đình đầu hàng nhưng phong trào chống Pháp của nhân dân ta vẫn tiếp tục dâng cao, phát triển sang một giai đoạn mới. | 1.0  0.5  0.5 |
|  | Đặc điểm nổi bật:  - Cuộc kháng chiến của nhân dân từ 1858-1884: mang đậm tính nhân dân sâu sắc.  - Biểu hiện:  + Ở chiến trường Quảng Nam-Đà Nẵng (1858-1859), nhân dân phối hợp với binh lính triều đình dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương ngăn cản bước tiến vào đất liền của địch.  + Ở chiến trường Miền Nam: Từ mặt trận Gia Định, lan rộng khắp miền Nam, nhân dân các địa phương, chủ yếu là nhân dân đã biết tự nguyện tạm gác mối thù giai cấp với địa chủ phong kiến do triều Nguyễn đứng đầu để đứng lên bảo vệ Tổ quốc, tự động tổ chức đội ngũ kéo ra mặt trần phối hợp chiến đấu với quân chính qui của triều đình. Nhiều nơi bất chấp lệnh bãi binh của triều đình, nhân dân tự động kháng chiến với những vũ khí thô sơ, nhiều cách đánh sáng tạo, sôi nổi mạnh mẽ.  + Ở Trung và Bắc Kỳ: nhân dân các địa phương bất chấp thái độ do dự, miễn cưỡng của triều đình, đã hăng hái chiến đấu. Sự phối hợp chiến đấu kịp thời và hiệu quả của nhân dân mà đạo quân chính qui của triều đình từ Sơn Tây về mới 2 lần chiến thắng tại Cầu Giấy (1873, 1883), cả hai lần chỉ huy giặc: Gacsniê và Rivie đều phải đền tội. | 0.25  0.25  0.5  0.5 |
|  | Tính chất:  - Là một phong trào đấu tranh vũ trang yêu nước chống Pháp bảo vệ độc lập dân tộc.  - Phong trào diễn ra liên tục, bền bỉ, quyết liệt, ngày càng mạnh mẽ rộng khắp nhiều tầng lớp tham gia. | 0.5 |
|  | Kết quả: - Cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống thực dân Pháp (1858-1884) đã thất bại. | 0.5 |
| 4  (5 điểm) | Những chuyển biến về kinh tế: năm 1897 Pôndume sang làm toàn quyền Pháp ở Đông Dương, kiện toàn bộ máy thống trị, tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất. | 0.25 |
|  | - Nông nghiệp và công nghiệp: Pháp đẩy mạnh chiếm đoạt ruộng đất, lập đồn điền trồng lúa, cà phê, cao su. Công nghiệp: Pháp đẩy mạnh khai thác TNTN, nhất là khai thác mỏ ( than đá, thiếc, kẽm). Một số cơ sở công nghiệp dịch vụ, chế biến ra đời: điện nước, bưu điện... | 0.25 |
|  | -GTVT và thương nghiệp: Pháp chú ý đến việc xây dựng hệ thống giao thông (đường bộ, sắt, thủy...) vừa phục vụ công cuộc khai thác lâu dài, vừa phục vụ mục đích quân sự. Thương nghiệp: Pháp độc chiếm thị trường, nguyên liệu, thu thuế... | 0.25 |
|  | -Những yếu tố nền sản xuất TBCN du nhập vào nước ta. So với nền kinh tế phong kiến có nhiều tiến bộ, của cải vật chất sản xuất được nhiều hơn. Tuy nhiên, vẫn duy trì phương thức bóc lột phong kiến trong mọi lĩnh vực. TNTN bị vơ vét cạn kiệt, Việt nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho Pháp | 0.5 |
|  | Chuyển biến về giai cấp và xã hội:  Giai cấp cũ: - Địa chủ phong kiến: Rất giàu có, câu kết với Pháp làm tay sai cho Pháp. Trung tiểu địa chủ: ít nhiều có tinh thần chống Pháp.  - Nông dân: Số lượng đông đảo, bị đế quốc phong kiến bóc lột, đời sống vô cùng cực khổ, một số bị phá sản trở thành công nhân. | 0.25 |
|  | Các tầng lớp Xã hội mới được hình thành: Công nhân, tư sản, tiểu tư sản:  -Công nhân: Làm việc trong nhà máy, đồn điền, hầm mỏ: Bị bóc lột nặng nề. Sớm có tinh thần dân tộc. Hưởng ứng các phong trào chống đế quốc, cải thiện đời sống.  -Tầng lớp Tiểu tư sản: Tiểu thương, tiểu chủ, buôn bán hàng thủ công, viên chức, nhà báo, học sinh, sinh viên... Họ bị bạc đãi, đời sống bấp bênh. Họ có ý thức dân tộc. dễ tiếp thu tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài.  -Tầng lớp tư sản: làm trung gian, đại lý tiêu thụ hoặc thu mua hàng hóa, cung ứng nguyên liệu, lập hiệu buôn, cơ sở sản xuất...Họ bị thực dân Pháp khống chế, chèn ép nên số lượng nhỏ bé, thế lực yếu ớt | 0.75 |
|  | -Mối quan hệ: Kinh tế và xã hội có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Sự thay đổi và chuyển biến về kinh tế dẫn đến sự thay đổi và chuyển biến của xã hội. Phương thức sản xuất mới (TBCN) từng bước du nhập vào nước ta, bên cạnh hình thức bóc lột phong kiến vẫn tiếp tục duy trì,làm cho mâu thuẫn xã hội càng thêm gay gắt.  -Chuyển biến về kinh tế, nhất là sự thay đổi về cơ cấu kinh tế đã làm phân hóa các giai cấp cũ và đưa đến sự ra đời các giai cấp mới.  -Sự chuyển biến về kinh tế và chuyển biến về xã hội đã tạo những điều kiện bên trong làm nảy sinh xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX | 0.75 |
|  | Dưới tác động của cuộc khai thác, Việt Nam không phát triển thành một quốc gia tư bản:  -Về kinh tế: Pháp không xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến mà còn duy trì quan hệ này. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận tối đa. Chính vì thế nên nền kinh tế Việt Nam không thể phát triển lên nền kinh tế tư bản được.  - Về chính trị: Thực dân Pháp không xóa bỏ giai cấp địa chủ phong kiến mà trên cơ sở đầu hàng đế quốc, một bộ phận đại địa chủ phong kiến được thực dân Pháp dung dưỡng làm tay sai, biến thành công cụ phục vụ cho mục đích khai thác.  -Về văn hóa, xã hội: Mặc dù văn hóa phương tây ít nhiều được du nhập vào nước ta nhưng tư tưởng phong kiến lạc hậu vẫn được duy trì và trở thành sức cản rất lớn cho sự phát triển về xã hội.  -Nếu như trong các cuộc CMTS phương Tây, chế độ phong kiến bị xóa bỏ triệt để về mọi mặt thì ở các nước phương Đông thuộc địa, dưới ách thống trị của TB phương Tây những yếu tố phong kiến vẫn được duy trì. Đó cũng là lực cản lớn làm cho nước Việt Nam không thể trở thành một nước TBCN | 0.5  0.5  0.5  0.5 |